

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/ HNGĐ-ST

Ngày 20/7/2017

“V/v Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Việt Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Th- ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về việc “*Tranh chấp ly hôn*” thụ lý số: 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 34/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đ- ong sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu 7, xã G, huyện T, tỉnh P.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đào Ngọc L - Sinh năm: 1974

Nơi ĐKNKTT: Khu 7, xã G, huyện T, tỉnh P.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 15, K4 - Trại giam Phú Sơn 4, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

(Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 14/6/2017 và bản tự khai ngày 04/7/2017, các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Đào Ngọc L có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T năm 2002. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 5/2011 anh L bị kết án 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trong cuộc sống gia đình vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy, vợ chồng

không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hiện anh L đang chấp hành án tại trại giam Phú Sơn, huyện Phú L-ong, tỉnh Thái Nguyên. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L để giải phóng cho nhau và sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Ngọc M, sinh ngày 16/6/2003. Hiện cháu đang ở với chị N. Nay ly hôn chị xin đ-ợc nuôi cháu đến lúc thành niên, chị không yêu cầu anh L phải cấp d-ỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, Về công nợ: chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Đào Ngọc L hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn, huyện Phú L-ong, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Long, tại bản tự khai anh Long trình bày nh- sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác nhận việc tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian kết hôn nh- chị N trình bày là đúng. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn anh chỉ còn cái tạo 5 tháng nữa nên muốn vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Ngọc M, sinh ngày 16/6/2003. Hiện cháu đang ở với chị N. Nay ly hôn anh xin đ-ợc nuôi cháu đến lúc thành niên, anh không yêu cầu chị N phải cấp d-ỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, Về công nợ: Anh L không đề nghị tòa án giải quyết.

Hiện nay anh L đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn, huyện Phú L-ong, tỉnh Thái Nguyên nên anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn:

Về chấp hành pháp luật: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định; mọi ng-ời trong phòng xử án chấp hành nghiêm theo nội quy phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N đ-ợc ly hôn anh L; Giao cho chị N đ-ợc trực tiếp nuôi d-ỡng con chung là cháu Đào Ngọc M, sinh ngày 16/6/2003 đến khi thành niên; tài sản chung, về nợ chung anh chị không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ-ợc thẩm tra tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về sự vắng mặt của các đ-ơng sự thấy rằng:

Đối với nguyên đơn là chị Hoàng Thị N: Quá trình giải quyết vụ án chị N đã đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí để tòa án thụ lý vụ án, có bản tự khai,

có đơn đề nghị tòa án thu thập tài liệu chứng cứ, vì công việc bạn chị N đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Đào Ngọc L có đăng ký nhân khẩu thường trú tại Khu 7, xã G, huyện T, tỉnh P. Hiện nay anh L đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn đã đến trại giam Phú Sơn để giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh L, anh L viết bản tự khai trình bày quan điểm về vụ án hôn nhân gia đình và làm đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt anh L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị N và anh Đào Ngọc L có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh P vào ngày 09/5/2002 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hiện nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; anh L muốn đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: anh L là người nghiện ma túy là nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay anh Long đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Trong thời gian từ năm 2015 chị N cũng không lên thăm nom hay quan tâm đến anh L cho thấy thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh L mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần xử cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con*:

Chị N và anh L đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Ngọc M, sinh ngày 16/6/2003. Từ khi anh L đi chấp hành án tại trại giam đến nay cháu ở với chị N, được chị chăm sóc, học hành, khi ly hôn nguyện vọng của chị N là xin được nuôi cháu đến lúc trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại bản tự khai ngày 04/7/2017 anh L cũng có nguyện vọng nếu ly hôn anh xin nuôi cháu M và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tại bản tự khai của cháu M thì nguyện vọng cháu xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy anh L hiện nay vẫn đang chấp hành án tại trại giam nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M nên cần giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu M thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung, Về công nợ*: Chị N và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị N phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
Các đ-ơng sự đ-ợc quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Hoàng Thị N đ-ợc ly hôn anh Đào Ngọc L.

2. Về con chung:

Giao con chung là Đào Ngọc M, sinh ngày 16/6/2003 cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu M thành niên. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Xác nhận chị N đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000284 ngày 14/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Nay chuyển thành án phí.

Chị Hoàng Thị N và anh Đào Ngọc L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi Nhận:

-VKS tỉnh + huyện

- TA tỉnh

- Chi cục THADS huyện

- UBND xã i;

- Các đ-ơng sự

-Lu: HS + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Việt Giang